TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **611**/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 06 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 544/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Bùi Thị Liên H**, sinh năm 1985; Địa chỉ: C Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: **Anh Hoàng Như H1**, sinh năm 1972; Địa chỉ: C Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị Liên H và anh Hoàng Như H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Bùi Thị Liên H và anh Hoàng N H1 có 01 con chung tên là cháu Hoàng Băng B, sinh ngày 28/6/2013.

Chị H và anh H1 tự nguyện thỏa thuận: Giao cháu Hoàng Băng B, sinh ngày 28/6/2013 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu B trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị Liên H và anh Hoàng Như H1 đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Liên H và anh Hoàng Như H1 mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0004206 ngày 20/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, chị H được hoàn trả lại 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Huế;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường B (nay là phường L) (ĐKKH ngày 18/5/2012);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Phương Hồng